

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VINAI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VINAI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINAI INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VINAI INVEST.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108823062

3. Ngày thành lập: 15/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 3 số nhà 37 phố Lê Văn Hữu, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0342112037

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xuất bản phần mềm	5820
2.	Lập trình máy vi tính	6201(Chính)
3.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
4.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
5.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
6.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
9.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
10.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
11.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
12.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
13.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
14.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
15.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
16.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
17.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
18.	In ấn	1811
19.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

20.	Sao chép bản ghi các loại	1820
21.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
22.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
23.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
24.	Xây dựng nhà để ở	4101
25.	Xây dựng nhà không để ở	4102
26.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
27.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
28.	Xây dựng công trình điện	4221
29.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
30.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
31.	Xây dựng công trình thủy	4291
32.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
33.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
34.	Phá dỡ	4311
35.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
36.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
37.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
38.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
39.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (không bao gồm môi giới, đấu giá)	4511
40.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (không bao gồm môi giới, đấu giá)	4512
41.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4513
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm môi giới, đấu giá)	4530
43.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm môi giới, đấu giá)	4541
44.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
45.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm môi giới, đấu giá)	4543
46.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4610
47.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
48.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
49.	Bán buôn thực phẩm	4632

50.	Bán buôn đồ uống	4633
51.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
52.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
53.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
54.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
55.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép	4662
56.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim	4663
57.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)	4711
58.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
59.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
60.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
61.	Bốc xếp hàng hóa	5224
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics	5229
63.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
64.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
65.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
66.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
67.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
68.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế công trình xây dựng; Khảo sát xây dựng; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng	7110
69.	Quảng cáo	7310
70.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
71.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

72.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh đại lý lữ hành	7911
73.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	7912
74.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
75.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
76.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
77.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
78.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
79.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
80.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219
81.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
82.	Dịch vụ đóng gói	8292
83.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
84.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình xử lý bùn	4229
85.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn sản phẩm nhựa dân dụng; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
86.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
87.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển	7730
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
89.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 10.000

8. Cổ đông sáng lập:

Thời gian đăng từ ngày 15/07/2019 đến ngày 14/08/2019

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÝ PHƯƠNG ANH	Số 20 phố Hàng Vôi, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.500	550.000.000	55,000	012606233	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5.500	550.000.000	55,000		
2	LÝ MINH ANH	18F tập thể Trần Hưng Đạo, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500	50.000.000	5,000	0011980024 47	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500	50.000.000	5,000		

3	NGUYỄN VĂN QUANG	Thôn Cổ Dũng, Xã Đông La, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.000	400.000.000	40,000	0340870043 29
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	4.000	400.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÝ PHƯƠNG ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012606233

Ngày cấp: 07/03/2007

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 20 phố Hàng Vôi, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 20 phố Hàng Vôi, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội